

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN
2016 – 2020 “NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC GIÁO DỤC ĐÁP ỨNG
YÊU CẦU ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÁO CÁO TÓM TẮT

TÊN ĐỀ TÀI:

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC:
MỘT SỐ KINH NGHIỆM CỦA TRUNG QUỐC VÀ
KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM**

Mã số: KHGD/16-20.ĐT003

Chủ nhiệm : PGS.TS. Mai Ngọc Anh

Cơ quan chủ trì đề tài : Trường Đại học Kinh tế quốc dân
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hà Nội, tháng 11 năm 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN
2016 – 2020 “NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC GIÁO DỤC ĐÁP ỨNG
YÊU CẦU ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÁO CÁO TÓM TẮT

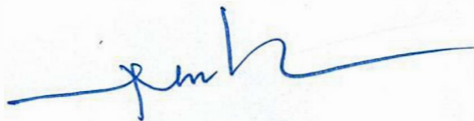
TÊN ĐỀ TÀI:

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC:
MỘT SỐ KINH NGHIỆM CỦA TRUNG QUỐC VÀ
KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM**

Mã số: KHGD/16-20.ĐT003

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

(Ký ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Mai Ngọc Anh

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)



GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ANH T
QUỐC DÂN

PGS.TS Bùi Đức Thọ

Hà Nội, tháng 11 năm 2020

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CHÍNH THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

| TT | Họ và tên | Chức danh KH, học vị | Cơ quan công tác |
|-----------|-----------------------|---------------------------------|--|
| 1. | Mai Ngọc Anh | PGS.TS. | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 2. | Đỗ Thị Hải Hà | PGS.TS. | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 3. | Nguyễn Đình Hương | GS.TS. | Chuyên gia độc lập |
| 4. | Đỗ Tiến Sâm | GS.TS. | Viện Nghiên cứu Trung Quốc |
| 5. | Lê Quốc Hội | PGS.TS. | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 6. | Bùi Thị Hồng Việt | TS. | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 7. | Nguyễn Đăng Núi | TS. | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 8. | Đặng Văn Huấn | TS. | Vụ Giáo dục Đại học - Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 9. | ThS. Nguyễn Thị Hảo | ThS. | Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam |
| 10. | ThS. Nguyễn Đình Hưng | ThS. | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân |

LỜI NÓI ĐẦU

Ở Việt Nam, từ Đổi mới đến nay, mặc dù Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành nhiều chính sách, thực hiện nhiều chương trình dự án hỗ trợ phát triển mạng lưới giáo dục đại học, tuy nhiên việc thực hiện quy hoạch chưa tốt và chưa định hình được chính sách xây dựng các cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; quy mô, danh tiếng của các trường đại học Việt Nam vẫn còn ở mức khiêm tốn so với các nước trong khu vực ASEAN và quốc tế. Vấn đề tự chủ đại học mới đang được thí điểm tại 23/237 cơ sở giáo dục đại học trong phạm vi cả nước. Chất lượng đào tạo chưa cao khi mà các chương trình đào tạo liên thông, được quốc tế thừa nhận chưa nhiều, kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp, phần lớn, chưa đáp ứng được yêu cầu của đơn vị tuyển dụng lao động. Hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học mới hình thành nên thể chế và tiêu chí đánh giá hoạt động cần được hoàn thiện. Hoạt động hỗ trợ cho sinh viên còn nhiều vướng mắc khi mà các chính sách hỗ trợ tín dụng đối với sinh viên đang theo học còn nhiều bất cập ...

Từ thực trạng của hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam, căn cứ vào 9 nhiệm vụ trọng tâm của ngành giáo dục đặt ra cần giải quyết từ năm 2016, căn cứ vào nhu cầu xã hội, vào ý kiến cử tri, quan điểm của nhiều đại biểu Quốc hội cũng như định hướng của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học chính thức áp dụng sau 1/7/2019, sự phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam trong những năm tới cần tập trung thực hiện 4 nhóm vấn đề lớn: (1) Phát triển mạng lưới giáo dục đại học theo tiêu chí chất lượng và xã hội hoá gắn với việc phải thực hiện quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, tiền đề thực hiện chính sách phân tầng, xếp hạng và đầu tư cho các trường đại học định hướng nghiên cứu, xây dựng các trường đại học đạt chuẩn/được xếp hạng quốc tế, phát triển và quản lý các cơ sở giáo dục đại học lợi nhuận và phi lợi nhuận trong và ngoài nước; (2) Tự chủ đại học để nâng cao chất lượng liên quan đến thực hiện trao quyền tự chủ cho các cơ sở và thực hiện quản lý nhà nước theo phương thức mới nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đại học từ các cơ sở giáo dục đại học được trao quyền tự chủ; (3) Đảm bảo chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động đòi hỏi không chỉ hệ thống chính sách mà còn cả cơ chế đánh giá về kiểm định chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học, (4) Hỗ trợ sinh viên trong quá trình theo học và sau khi ra trường với những nội dung về hỗ trợ tín dụng,

hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên, quản lý và sử dụng thông tin việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Là một quốc gia láng giềng với nhiều điểm tương đồng về văn hoá, thể chế chính trị, Trung Quốc đã chuyển mình để trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, sau khi chính thức theo đuổi mục tiêu phát triển kinh tế thị trường từ cuối những năm 1970, đầu những năm 1980 (Phạm Thái Quốc, 2010). Sự thành công trong tăng trưởng và phát triển kinh tế của quốc gia này có vai trò rất lớn từ kết quả thực hiện cải cách giáo dục đại học của Trung Quốc.

Đứng trước nhu cầu về sử dụng lao động chất lượng cao từ thị trường lao động trong quá trình hội nhập, Chính phủ Trung Quốc thực hiện chủ trương xây dựng những đại học trọng điểm quốc gia, từng bước nâng tầng lên đại học đẳng cấp quốc tế với các “Dự án 211”, “Dự án 985”... (Zhu và Lou, 2011). Với những dự án đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục đại học được thực hiện, một số đại học trọng điểm quốc gia Trung Quốc đã lọt vào top trong danh sách 50 đại học đứng đầu thế giới như *Đại học Bắc Kinh*, *Đại học Thanh Hoa*... Bên cạnh việc đầu tư nâng cao chất lượng đại học trọng điểm quốc gia, xây dựng đại học đẳng cấp quốc tế, Chính phủ Trung Quốc đã thúc đẩy thành lập mới *những đại học công lập, ngoài công lập trên phạm vi cả nước* (Li và Yang, 2014) nhằm gia tăng cơ hội học tập bậc đại học cho người dân (Litao và Jinjing, 2010).

Cùng với quá trình thực hiện chủ trương phát triển giáo dục đại học tinh hoa song hành với đại chúng hóa giáo dục đại học là quá trình thay đổi phương thức quản lý điều hành của nhà nước với các cơ sở giáo dục đại học ở quốc gia này. Chính phủ Trung Quốc đã ban hành nhiều văn bản từng bước hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học thực hiện tự chủ. Hàng loạt các quyết định, thông tư, hướng dẫn được ban hành, tạo điều kiện cho các đại học thực hiện tự chủ về học thuật, tài chính, tổ chức bộ máy và quản lý nhân sự, cũng như thu hút giảng viên từ các đại học hàng đầu thế giới đến tham gia giảng dạy các chương trình đào tạo tiên tiến, liên thông quốc tế tại Trung Quốc (Đình Ái Liên, 2014; Pan, 2007). Các quốc gia phát triển như Anh, Pháp, Đức... đã ký kết hiệp định với Trung Quốc về công nhận học vị và chương trình học tập của những đại học hàng đầu này (Ngô Thị Thuỳ Dung, 2009). Bên cạnh đó, để đưa đào tạo gắn với nhu cầu sử dụng sử dụng nhân lực trên thị trường, Chính phủ Trung Quốc khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học chủ động phối hợp với chính quyền trung ương, chính quyền địa phương trong

đào tạo nhân lực theo địa chỉ; đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp các tổ chức xã hội để cùng sử dụng các lợi thế chung, gắn học với hành, gắn lý luận với thực tiễn, cũng như đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng... (Morgan và Wu, 2011).

Kiểm định chất lượng giáo dục đại học được Chính phủ Trung Quốc triển khai thí điểm từ những năm 1985, sau nhiều lần sửa đổi, cải thiện, đến nay hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học của nước này đã đạt được những thành công nhất định, với sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế.

Đối với hỗ trợ sinh viên, Chính phủ Trung Quốc ngoài thực hiện chính sách hỗ trợ tín dụng đối với sinh viên, còn thực hiện các mô hình khởi nghiệp cho sinh viên tại các đại học (Yan-hua, 2014; Zhou và Xu, 2012); Thông tin tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp ngày càng được chú trọng bởi đây là căn cứ để Chính phủ, Bộ Giáo dục Trung Quốc đưa ra những quyết định vĩ mô liên quan đến phát triển ngành/lĩnh vực đào tạo để giải quyết bài toán về cung cầu nhân lực của thị trường lao động (Wenhui và các tác giả, 2015).

Những thành công cũng như hạn chế của Trung Quốc trong thực hiện quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học, đặc biệt trên 4 phương diện (i) Chiến lược phát triển giáo dục đại học và quy hoạch mạng lưới các đại học, đầu tư phát triển đại học trọng điểm, ngành trọng điểm, (ii) Tự chủ đại học, (iii) Đảm bảo chất lượng và kiểm định giáo dục đại học, (iv) Hỗ trợ sinh viên, là những bài học quý để Việt Nam tham khảo nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học trong thời gian tới. Đề tài ***Quản lý nhà nước về giáo dục đại học: Kinh nghiệm Trung Quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam*** mã số KHGD/16-20.ĐT003 tài trợ bởi Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020: **Nghiên cứu phát triển khoa học giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam** sẽ cung cấp chi tiết các bài học kinh nghiệm của Trung Quốc cũng như luận cứ để từ đó đưa ra các quyết định giải quyết những nhiệm vụ về phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam trong những năm tiếp theo.

Phần thứ nhất: Quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học của Trung Quốc: Chính sách và kết quả đạt được

Một là: Chiến lược phát triển giáo dục đại học của Trung Quốc

Trước thời kỳ Cách mạng Văn hóa, hệ thống giáo dục đại học của nước cộng hòa nhân dân Trung Quốc được xây dựng và phát triển theo mô hình của Liên Xô. Mặc dù đạt được những thành tựu nhất định, mô hình giáo dục đại học của Trung Quốc cho đến khi Cách mạng Văn hóa kết thúc tỏ ra có nhiều bất cập, không đáp ứng được nhu cầu về chất lượng lao động của thời kỳ hội nhập phát triển. Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục đại học đối với sự phát triển kinh tế xã hội quốc gia, từ khi mở cửa hội nhập năm 1978, Đảng và Chính phủ Trung Quốc đã ban hành nhiều chính sách, thực hiện nhiều dự án với các lộ trình rõ ràng trong phát triển giáo dục đại học ở quốc gia này.

Để phục hồi và tái thiết hệ thống giáo dục đại học từ mô hình quản lý tập trung, kế hoạch hóa, nhiều chính sách đã được Chính phủ Trung Quốc ban hành sau *Quyết định 1979, 1985* của Ủy ban Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc. Theo đó, chính quyền địa phương được trao quyền quản lý hành chính đối với hệ thống giáo dục đại học không do các bộ ngành ở Trung ương quản lý. Chính phủ đã cho phép khu vực tư nhân cùng tham gia đào tạo giáo dục đại học; trách nhiệm điều hành vĩ mô hệ thống giáo dục đại học được trao cho Bộ Giáo dục.

Giai đoạn thứ hai sau thời kỳ Cách mạng Văn hóa trong phát triển giáo dục đại học ở Trung Quốc được định hướng *phát triển năng lực học thuật quốc gia và thực hiện đại chúng hóa giáo dục đại học*. Để nâng cao năng lực học thuật, Chính phủ Trung Quốc đầu tư phát triển hệ thống các phòng thí nghiệm qua các dự án; rồi thúc đẩy việc sáp nhập các cơ sở giáo dục đại học đa ngành theo tinh thần ‘phát triển, điều chỉnh, hợp tác, sáp nhập’. Bên cạnh đó, Chính phủ Trung Quốc còn khuyến khích cơ sở giáo dục đại học công lập biên soạn, dịch và đưa vào giảng dạy bậc đại học một số giáo trình được sử dụng rộng rãi ở các nước phương Tây. Các dự án xây dựng đại học trọng điểm, ngành đào tạo đại học trọng điểm rồi đại học được thế giới biết đến, đại học đẳng cấp quốc tế, từng bước được thành lập. Để thực hiện mục tiêu đại chúng hóa giáo dục đại học, Chính phủ Trung Quốc đã đặt mục tiêu chuyển từ đào tạo tinh hoa sang thực hiện đào tạo bậc đại học đối với tối thiểu 15% dân số trong độ tuổi 18-22 chậm nhất vào năm 2010.

Tiếp đà những thành quả đạt được trong phát triển giáo dục đại học đến hết thập

niên đầu tiên của thế kỷ 21, Chính phủ Trung Quốc định hướng sự phát triển giáo dục đại học ở Trung Quốc giai đoạn tiếp theo, ‘phát triển giáo dục đại học tinh hoa trên nền tảng đại chúng hóa giáo dục đại học’. *Dự án Worldclass 2.0* ra đời năm 2017, với mục tiêu phát triển song hạng nhất cho 42 cơ sở giáo dục đại học được lựa chọn, (i) hàng đầu về kiến thức chuyên ngành và (ii) hàng đầu về tính chuyên nghiệp. Bên cạnh những đại học công lập hàng đầu được Chính phủ tiếp tục đầu tư nhằm nâng cao năng lực học thuật, khẳng định chất lượng đào tạo đại học của Trung Quốc so với quốc tế; các cơ sở giáo dục đại học công lập còn lại ở Trung Quốc được định hình phát triển theo hướng giải quyết nhu cầu nhân lực phục vụ sự phát triển của địa phương, góp phần hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục đại học. Đại học ngoài công lập được khuyến khích phát triển qua hệ thống chính sách, hỗ trợ tích cực của nhà nước như Luật Xúc tiến giáo dục tư thục, các quy hoạch phát triển giáo dục của 31 tỉnh, thành và khu tự trị trên toàn lãnh thổ Trung Quốc. Ngoài ra, chính phủ hỗ trợ chi phí đào tạo đối với người học để đảm bảo hoàn thành mục tiêu đặt ra.

Chiến lược phát triển giáo dục đại học của Trung Quốc, đến thời điểm hiện nay có thể khái quát hóa theo hai hướng đi với lộ trình rõ ràng (i) xây dựng hệ thống đại học trọng điểm quốc gia, được thế giới biết đến, đẳng cấp quốc tế nhằm đưa Trung Quốc từng bước trở thành một trong những trung tâm giáo dục đại học của thế giới cả về chất lượng và quy mô; (ii) xây dựng hệ thống đại học phục vụ nhu cầu nhân lực của địa phương, từng bước hướng đến phổ cập giáo dục đại học.

Sau một loạt các dự án đầu tư phát triển khoa học công nghệ cho cả nước, nhiều cơ sở giáo dục đại học được đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia. Đây được nhìn nhận là căn cứ để Chính phủ Trung Quốc triển khai *Dự án 211* năm 1993 nhằm xây dựng các đại học trọng điểm, thực hiện đào tạo các ngành đào tạo trọng điểm. Trên cơ sở nền tảng các đại học được lựa chọn tham gia *Dự án 211*, đến năm 1998, Chính phủ Trung Quốc cụ thể hóa quyết tâm xây dựng đại học đẳng cấp thế giới mang màu sắc Trung Quốc; *Dự án 985* được ban. Cũng giống như các cơ sở giáo dục hàng đầu thế giới ở các quốc gia phương Tây, đại học đẳng cấp thế giới được xây dựng ở Trung Quốc cũng gắn với đào tạo sau đại học; đảm nhận nghiên cứu và thương mại hóa các sản phẩm khoa học với sự hỗ trợ của Chính phủ qua các dự án nghiên cứu trọng điểm. Đại học đẳng cấp quốc tế của Trung Quốc được định hướng phục vụ và đóng góp

cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc. Mặc dù có tới 39 đại học được lựa chọn tham gia vào *Dự án 985*, tuy nhiên mức độ ưu tiên đầu tư của Chính phủ đối với những đại học này là khác nhau. Chỉ 2 trong số 9 đại học thuộc diện Ivy League của Trung Quốc được đầu tư để trở thành đại học đẳng cấp thế giới, hướng đến xếp hạng trong nhóm 50 đại học hàng đầu toàn cầu; các đại học còn lại được đầu tư với mức ngân sách ít hơn, hướng đến xây dựng các ngành học có lợi thế để được xếp hạng hàng đầu thế giới, từ đó làm tăng danh tiếng xếp hạng của nhà trường. Nhóm thứ hai tham dự *Dự án 985* thực chất được đầu tư xây dựng mô hình đại học được thế giới biết đến; những đại học được xếp hạng trong top 1000 của thế giới. Sau khi *Dự án 211*, *Dự án 985* kết thúc, dù có nhiều quan điểm trái chiều, phản đối sự ưu tiên của Chính phủ đối với một số cơ sở giáo dục đại học. Chính phủ Trung Quốc vẫn nhất quán với đường lối đưa giáo dục đại học Trung Quốc từ một nền giáo dục quy mô lớn trở thành một cường quốc về giáo dục đại học. *Dự án Worldclass 2.0* được ra đời với mục tiêu phát triển giáo dục song hạng nhất với hơn 440 chương trình đào tạo hàng đầu thế giới tại 142 cơ sở giáo dục được lựa chọn từ những đại học có được những thành công sau khi tham gia *Dự án 211*, *Dự án 985* và một số cơ sở đại học có uy tín nhưng chưa từng tham gia dự án 211 giai đoạn trước đây. Nói cách khác, để xây dựng được hệ thống đại học trọng điểm quốc gia, đại học được thế giới biết đến và đại học đẳng cấp quốc tế, Chính phủ Trung Quốc đã đầu tư hơn 70 tỷ NDT và tiếp tục đầu tư hơn nửa số tiền này trong giai đoạn tiếp theo để đưa Trung Quốc từ một quốc gia có quy mô giáo dục đại học hàng đầu thế giới trở thành một cường quốc trong lĩnh vực giáo dục đại học. Các dự án đầu tư của Chính phủ Trung Quốc vào các đại học trọng điểm quốc gia hướng đến tăng số công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí chuyên ngành hàng đầu thế giới từ đó tăng (i) mức độ trích dẫn của các công trình nghiên cứu, (ii) danh tiếng khoa học của đội ngũ giảng viên qua, (iii) thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu, (iv) thu hút sinh viên quốc tế đến học ở Trung Quốc. Đây là những tiêu chí quan trọng, chiếm tỷ trọng lớn, ảnh hưởng đến vị trí xếp hạng cơ sở giáo dục đại học trên bản đồ đại học đẳng cấp thế giới. Đến thời điểm hiện nay, số công trình nghiên cứu của Trung Quốc đã đứng thứ hai thế giới, sau Hoa Kỳ.

Nếu như các đại học trọng điểm quốc gia, đại học được thế giới biết đến, đại học đẳng cấp quốc tế nhận được đầu tư hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, của chính quyền tỉnh

hoặc cả hai; các đại học công lập còn lại nhận được sự đầu tư hỗ trợ chủ yếu từ ngân sách địa phương. Chính vì vậy, tùy thuộc vào nhu cầu và định hướng phát triển, quy hoạch đối với phát triển giáo dục đại học không chỉ khác nhau giữa khu vực phía Đông, miền Trung và phía Tây; quy hoạch phát triển giáo dục còn khác nhau giữa các tỉnh trong cùng khu vực ở Trung Quốc. Hệ thống đại học *Newly Built* được phát triển để phục vụ nhu cầu nhân lực cụ thể ở từng địa phương.

Việc hoàn thành mục tiêu đại chúng hóa giáo dục đại học trước 4 năm theo *Quy hoạch quốc gia về cải cách và phát triển giáo dục trung và dài hạn của Trung Quốc giai đoạn 2010-2020*, đã tạo tiền đề quốc gia này đặt ra mục tiêu thực hiện phổ cập giáo dục đại học với tỷ lệ 65-70% dân số trong độ tuổi (18-24) được tham gia đào tạo bậc đại học trong *Chiến lược phát triển giáo dục đại học đến 2035*. *Chiến lược phát triển giáo dục đại học của Trung Quốc đến 2035* nhấn mạnh, đào tạo đại học ở Trung Quốc sẽ chuyển từ chuyên giao kiến thức sang phát triển tổng thể cả học thuật và khả năng vận dụng vào thực tiễn đối với người học. Người học bậc đại học của Trung Quốc trong giai đoạn tới không chỉ được định hướng phát triển tư duy độc lập, mà còn hướng đến khả năng thích ứng với sự biến đổi của khoa học công nghệ.

Hai là, quản lý nhà nước đối với thực hiện tự chủ đại học ở Trung Quốc

Đối với việc quản lý và điều hành cơ sở giáo dục đại học, quản lý vĩ mô đối với hoạt động của cơ sở giáo dục đại học sau thời kỳ hội nhập đã thay thế cho điều hành trực tiếp hoạt động của nhà trường từng tồn tại trong thời kỳ thực hiện điều hành xã hội theo mô hình kế hoạch hóa tập trung ở Trung Quốc. Trên thực chất, các đại học công lập là cánh tay kéo dài của nhà nước, bộ máy chính trị trong điều hành nhà trường được duy trì. Theo đó, lãnh đạo nhà trường do cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ phụ trách nhà trường trực tiếp bổ nhiệm. Lãnh đạo nhà trường cũng như đối với cán bộ quản lý nhà trường đảm nhận vì trí không quá hai nhiệm kỳ hoặc 10 năm liên tiếp. Ban giám hiệu hoạt động dưới sự định hướng của Đảng ủy trường. Ở Trung Quốc, Hội đồng trường theo mô hình của Mỹ và các quốc gia Châu Âu không tồn tại. Tuy nhiên ở một góc độ nào đó, mô hình Đảng ủy trường định hướng hoạt động cơ sở giáo dục đại học cũng có những điểm tương đồng với mô hình quản trị đơn bộ máy trong đại học ở một số quốc gia Châu Âu. Ở Trung Quốc, Đảng ủy đại học với các đảng ủy viên sẽ định hướng hoạt động của cơ sở giáo dục đại học ở Trung Quốc. Chính phủ từng khuyến khích xây dựng

các đại học mạnh trên cơ sở sáp nhập cơ sở giáo dục đại học trực thuộc sự quản lý chính quyền trung ương với một số cơ sở giáo dục đại học trực thuộc sự quản lý của chính quyền địa phương. Sau khi sáp nhập các trường đại học thành viên hoạt động dưới sự điều hành của Đảng ủy và Ban giám đốc đại học.

Về học thuật, các cơ sở giáo dục đại học được phép mở các chương trình đào tạo trong danh mục của 12 lĩnh vực đào tạo, với 92 ngành và 506 chương trình đào tạo; tuy nhiên trong đó có 62 chương trình đào tạo phải được sự cho phép của chính quyền trung ương thì cơ sở giáo dục đại học mới được phép thực hiện. Những chương trình đào tạo này gắn liền với ngành y tế và an ninh, quân sự. Các chương trình đào tạo còn lại, sau khi Hội đồng khoa học của cơ sở giáo dục đại học thẩm định thành công, nhà trường chủ động tiến hành đào tạo nhưng phải thông báo với cơ quan quản lý trực tiếp nhà trường để cập nhật. Chương trình đào tạo được xây dựng phải tuân theo những quy định về khung chương trình đào tạo được công bố bởi Bộ Giáo dục. Theo đó, chương trình đào tạo đối với sinh viên Trung Quốc phải gồm các học phần về chính trị tư tưởng trong học phần bắt buộc. Cũng giống các học phần bắt buộc, các học phần lựa chọn được xây dựng ở cả khối kiến thức đại cương và khối kiến thức chuyên ngành.

Chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở giáo dục đại học được xác định trên tỷ lệ giảng viên – sinh viên; và diện tích xây dựng bình quân đầu người. Chính phủ Trung Quốc đã và đang nỗ lực cải cách phương thức tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục đại học. Tuy nhiên việc phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh theo hộ khẩu đang là vấn đề được nhìn nhận với nhiều quan điểm khác nhau. Khi những cơ sở giáo dục trọng điểm quốc gia, được thế giới biết đến ít xuất hiện ở những khu vực khó khăn; người học từ những khu vực kinh tế khó khăn muốn theo học tại những trường hàng đầu lại vướng với chỉ tiêu, hạn ngạch tuyển sinh được phân bổ, hạn ngạch này chưa bao giờ rõ ràng. Bên cạnh đó, mặc dù các cơ sở được cho phép chủ động trong xét tuyển, nhưng kết quả từ kỳ thi Gaokao vẫn đang là tiêu chí quan trọng nhất trong xét tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học.

Về tài chính, học phí của người học chỉ là một phần chi phí đào tạo mà người học phải nộp cho cơ sở giáo dục đại học; phần còn lại sẽ do nhà nước cấp bù đối với cơ sở giáo dục đại học. Bên cạnh nguồn thu từ học phí, thu từ hoạt động dịch vụ là nguồn thu tiếp theo của cơ sở giáo dục đại học, thu từ ngân sách nhà nước qua các chương trình dự án mà cơ sở giáo dục đại học được tham gia. Việc sử dụng tài sản công để tham gia

kinh doanh của cơ sở giáo dục đại học bị quản lý theo các quy định của pháp luật. Chính phủ Trung Quốc không thu hồi tiền đầu tư đối với kết quả nghiên cứu khoa học được thương mại hóa thành công từ cơ sở giáo dục đại học. Số tiền thu được sẽ phân chia theo tỷ lệ 70/30 giữa nhóm nghiên cứu và đơn vị chủ trì. Quan điểm này đã thúc đẩy sự phát triển trong hoạt động khoa học công nghệ của Trung Quốc, đưa năng lực nghiên cứu và công bố kết quả nghiên cứu của quốc gia này lên vị trí thứ 2 thế giới, sau Mỹ. Đây được nhìn nhận là chính sách hết sức thành công của chính phủ nước này trong sử dụng chính sách tài chính để thúc đẩy năng lực học thuật của các cơ sở giáo dục đại học. Thực tế cho thấy, việc thương mại hóa sản phẩm từ kết quả nghiên cứu có độ rủi ro rất cao (mức độ thành công ở Trung Quốc chỉ khoảng 20%), nên khu vực tư nhân cảm thấy mạo hiểm bởi độ rủi ro cao. Chính vì vậy, ngoại trừ sự đầu tư của chính phủ, việc thương mại hóa sản phẩm ở các cơ sở giáo dục đại học ở Trung Quốc khó thành hiện thực. Đối với chính phủ Trung Quốc, nguồn đầu tư dù không trực tiếp thu về nhưng những khoản thu từ thuế, phí đối với sản phẩm khi được tung ra thị trường sẽ nhanh chóng lấp đầy chỗ đầu tư mà nhà nước giành cho phát triển nghiên cứu khoa học từ cơ sở giáo dục đại học.

Bên cạnh những chương trình dự án được đầu tư của chính quyền trung ương, chính quyền địa phương nhằm nâng cao năng lực giảng dạy đội ngũ giảng viên cơ hữu của các cơ sở giáo dục đại học, Chính phủ Trung Quốc còn khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học kêu gọi, thu hút nhân tài Hoa kiều hồi hương về tham gia giảng dạy, nghiên cứu thông qua các chương trình dự án lớn như *Kế hoạch ngàn người* với những ưu đãi giành cho những học giả, những nhà khoa học Hoa kiều đang làm việc ở ngoại quốc quay về đóng góp cho sự phát triển khoa học của nước nhà. Mặc dù ban hành rất nhiều ưu đãi, sự thành công của chiến lược này không được đánh giá cao. Những tài năng lớn Hoa kiều trở thành đội ngũ cơ hữu trong các cơ sở giáo dục đại học của Trung Quốc là rất hạn hữu. Phần lớn những người về làm việc và đóng góp cho sự phát triển của hệ thống giáo dục đại học ở Trung Quốc là những lưu học sinh.

Khi mà các chủ trương kêu gọi Hoa kiều hồi hương tham gia xây dựng, phát triển giáo dục đại học chưa đạt được sự thành công như mong muốn, các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia với ngân sách được hỗ trợ từ nhà nước, đã chủ động trong tuyển dụng giảng viên. Thay vì sử dụng hết số biên chế được cơ quan nhà nước phân bổ, các cơ sở giáo dục đại học chủ động để dôi dư 1/3 số định biên và sử dụng hình thức hợp

đồng lao động có thời hạn với người lao động. Các giảng viên được tuyển chọn không chỉ đáp ứng yêu cầu về bằng cấp mà còn phải có được một số nghiên cứu đăng tải trên những tạp chí khoa học chuyên ngành hàng đầu thế giới theo hệ thống ISI, Scopus... Sau một vài lần hoàn thành hợp đồng, nếu cơ sở giáo dục đại học thấy giảng viên có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của nhà trường thì sẽ chính thức đưa đối tượng này trở thành biên chế chính thức của nhà trường. Chính sự chủ động này làm cho chất lượng đội ngũ giảng viên có sự chênh lệch rất lớn giữa các trường được tham gia *Dự án 211*, *Dự án 985*, rồi *Dự án Worldclass 2.0* với các cơ sở giáo dục đại học công lập còn lại.

Với lộ trình chuyển từ đào tạo đại học tin hoa, sang đại chúng hóa giáo dục đại học, rồi tiến đến phổ cập giáo dục đại học, Chính phủ Trung Quốc không chỉ khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học mở rộng quy mô tuyển sinh, mà còn thúc đẩy việc thành lập mới, nâng cấp các trường cao đẳng lên đại học. Tuy nhiên, chỉ 10% trong số cử nhân tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của chủ sử dụng lao động trên thị trường, trong giai đoạn đầu thực hiện lộ trình mở rộng quy mô đào tạo theo hướng đại chúng hóa giáo dục đại học. Điều này đặt ra yêu cầu kiểm định chất lượng đối với các cơ sở giáo dục đại học, các chương trình đào tạo đang được cung cấp ở Quốc gia này. Bên cạnh đó, với mục tiêu phát triển đại học đẳng cấp quốc tế, đại học được thế giới biết đến, Chính phủ đã đầu tư rất nhiều tiền vào xây dựng các phòng thí nghiệm, đầu tư vào các dự án nghiên cứu, thu hút sự tham gia của các giáo sư, các nhà khoa học hàng đầu. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy, từ khi có những đầu tư của chính phủ nhằm phát triển nghiên cứu khoa học, thì sự tham gia vào giảng dạy bậc cử nhân của đội ngũ những chuyên gia hàng đầu giảm xuống; làm cho chất lượng nghiên cứu với chất lượng giảng dạy ngày càng bất cân xứng. Bộ Giáo dục đã ban hành chính sách yêu cầu sự tham gia của đội ngũ giảng viên có học hàm giáo sư, phó giáo sư trong giảng dạy bậc cử nhân. Theo đó, dù là học phần lựa chọn hay bắt buộc cũng sẽ được tính vào nhiệm vụ công việc của đội ngũ này; là một trong những tiêu chí của đánh giá ngoài đối với cơ sở giáo dục đại học. Kiểm định chất lượng giáo dục đại học, do đó, góp phần thực hiện mục tiêu quản lý vĩ mô của nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học.

Ba là, quản lý nhà nước với đảm bảo chất lượng giáo dục đại học ở Trung Quốc

Sau nhiều lần điều chỉnh, từ năm 2011 đánh giá chất lượng giáo dục đại học được

thực hiện thống nhất với hệ thống 5 trong 1. Nó kết hợp giữa tự đánh giá, đánh giá ngoài, đánh giá và kiểm định chương trình, giám sát dữ liệu và đánh giá quốc tế. Hệ thống đánh giá 5 trong 1 của Trung Quốc là một hệ thống đảm bảo chất lượng với sự tham gia của cơ sở giáo dục đại học, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, các tổ chức đánh giá ngoài (được chính phủ ủy quyền) với các mức đánh giá đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học, đạt chuẩn quốc gia. Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục đại học cũng có thể mời các tổ chức uy tín quốc tế đến đánh giá để đạt chuẩn chất lượng quốc tế.

Kiểm định chất lượng không đồng nghĩa với nâng cao ‘chất lượng’ của học phần mà chỉ xem xét tính logic, tính thống nhất trong thiết kế học phần và chương trình đào tạo. Kiểm định chất lượng do đó không làm nâng cao chất lượng giảng dạy... Tuy nhiên, tại Trung Quốc, việc đạt chuẩn quốc gia theo hệ thống đánh giá 5 trong 1 được cấp chứng chỉ của HEEC (Trung tâm đánh giá chất lượng giáo dục đại học, trực thuộc Bộ Giáo dục) có ý nghĩa thiết thực với cơ sở giáo dục đại học hơn bất kỳ chứng nhận chất lượng nào mà nhà trường có được. Các cơ sở giáo dục được kiểm định chất lượng đạt chuẩn theo quy định của HEEC sẽ tiếp tục được tuyển sinh, được đầu tư ngân sách ... Ngược lại, những cơ sở giáo dục đại học không được đánh giá đạt chuẩn sẽ bị cắt ngân sách.

Mặc dù đã đạt được những thành tựu nổi bật trong xây dựng hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học, đặc biệt là sự thừa nhận quốc tế đối với hệ thống kiểm định chất lượng 5 trong 1 của Trung Quốc, khi Nga, EU và Trung Quốc đạt được thỏa thuận công nhận tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giữa các thành viên năm 2016 và Trung Quốc cũng đã trở thành thành viên trong thảo luận Washington về đánh giá chất lượng giáo dục đại học với Hoa Kỳ. Hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học ở Trung Quốc vẫn còn một số vướng mắc, cần tiếp tục hoàn thiện trong giai đoạn tới. Nổi bật hơn cả là cải thiện công tác giám sát cải chính của nhà trường sau kết luận của đoàn đánh giá ngoài cũng như đẩy mạnh hơn nữa sự tham gia của bên thứ ba (sự tham gia của ngành công nghiệp) vào hoạt động đánh giá ngoài.

Bốn là, chính sách quy định của nhà nước đối với hỗ trợ sinh viên

Chuyển từ mô hình quản lý tập trung, bao cấp sang mô hình kinh tế thị trường mang màu sắc Trung Quốc, cũng làm thay đổi phương thức quản lý, hỗ trợ của chính phủ đối với sinh viên ở quốc gia này. Sinh viên giờ đây phải đóng học phí như phần trách nhiệm của việc theo học đại học, tuy nhiên ngoại trừ theo học ngành sư phạm, các

thí sinh còn lại phải đóng học phí; học phí của họ chỉ là một phần nhỏ trong chi phí đào tạo mà nhà trường nhận được; phần còn lại của chi phí đào tạo do nhà nước cấp bù theo đầu sinh viên đối với cơ sở giáo dục đại học. Giờ đây, cử nhân đại học không được nhà nước bố trí việc làm, ngược lại, sau khi rời ghế nhà trường sinh viên phải chủ động trong việc tham gia vào thị trường lao động. Để hỗ trợ sinh viên theo học đại học, chính phủ Trung Quốc một mặt thực hiện chính sách cấp bù chi phí với mục tiêu đào tạo ra những sinh viên phục vụ lý tưởng xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc; mặt khác chính phủ còn tiến hành hỗ trợ tài chính qua các loại học bổng dành cho sinh viên có kết quả học tập tốt; hỗ trợ tín dụng để những sinh viên không tiếp cận thành công tới học bổng vẫn có thể có nguồn tài chính đảm bảo sinh hoạt phí trong quá trình theo học đại học. Chính sách hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp cũng được chính quyền trung ương, chính quyền địa phương hết sức quan tâm, đặc biệt trong bối cảnh Chính phủ nước này đẩy mạnh chiến lược ‘Vành đai kinh tế Dương Tử’, hay các chương trình phát triển kinh tế khu vực phía Tây... Bộ Giáo dục còn khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học đưa các học phần liên quan đến khởi nghiệp vào chương trình đào tạo; ngoài ra việc quản lý thông tin việc làm sinh viên sau tốt nghiệp được biết đến như biện pháp để Bộ Giáo dục định hướng phân luồng sinh viên khi đăng ký tuyển sinh vào các chương trình đào tạo ở các cơ sở giáo dục đại học của Trung Quốc.

Mặc dù đạt được những thành tựu nhất định, nhưng kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ sinh viên của Trung Quốc đến thời điểm hiện nay vẫn còn những hạn chế nhất định. Tỷ lệ sinh viên nghèo, sinh viên nông thôn theo học tại các đại học được thế giới biết đến, đại học đẳng cấp thế giới có xu hướng giảm theo thời gian, ngược lại tỷ lệ sinh viên xuất thân từ thành thị ngày càng tăng ở những cơ sở giáo dục đại học trọng điểm của Trung Quốc. Bên cạnh đó, việc tiếp cận thành công tới tín dụng của sinh viên là không cao, đặc biệt là đối với sinh viên đang theo học ở những đại học công lập do tính quản lý. Việc sinh viên chủ động tham gia hoạt động khởi nghiệp với niềm tin trở thành Bill Gates hay Steve Jobs... một số sinh viên rời giảng đường đại học khi chưa hoàn thiện kiến thức bậc đại học để tham gia kinh doanh trong thời đại công nghệ trí tuệ nhân tạo đang đem đến những rủi ro trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở quốc gia này trong những năm tới.

Phần hai: Một số khuyến nghị trọng yếu nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học của Việt Nam dựa trên tham khảo kinh nghiệm của Trung Quốc
Một là, quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục đại học

Giống Trung Quốc, Chính phủ Việt Nam đã chuyển từ điều hành trực tiếp cơ sở giáo dục đại học sang điều hành vĩ mô đối với các cơ sở giáo dục đại học. Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện điều hành vĩ mô giáo dục đại học dựa trên các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Đảng và Chính phủ. Nhìn chung, chiến lược phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam đến thời điểm hiện nay cũng được định hình theo hướng: (i) xây dựng một số đại học nằm trong top 1000 đại học hàng đầu thế giới; và (ii) thực hiện mục tiêu đại chúng hóa giáo dục đại học.

Giai đoạn đầu của việc thực hiện đại chúng hóa giáo dục đại học đạt được từ năm 2010 khi 16% người trong độ tuổi theo học đại học, tỷ lệ này tăng theo thời gian và đạt con số 28% năm 2018. Đến thời điểm hiện tại, có 4 cơ sở giáo dục đại học được xếp hạng trong top 1000 cơ sở giáo dục đại học hàng đầu quốc tế, trong đó 3 cơ sở được liệt kê trong bảng xếp hạng của THE, QS. Mặc dù vậy, để đạt được mục tiêu có 10 cơ sở giáo dục đại học được xếp hạng trong số 400 đại học hàng đầu Châu Á theo *Quyết định 69/QĐ-TTg* năm 2019 thì cần phải có sự quan tâm, đầu tư từ phía nhà nước chứ không nên chỉ trông chờ vào sự nỗ lực của bản thân các cơ sở giáo dục đại học. Kinh nghiệm đầu tư phát triển nhóm II thuộc Dự án 985 của Trung Quốc là bài học hay mà Việt Nam có thể tham khảo, vận dụng. Lựa chọn những đại học hàng đầu với những ngành đào tạo có thế mạnh của nhà trường, đồng thời ngành được lựa chọn phải phục vụ cho sự phát triển của đất nước để đầu tư, qua đó, nâng cao vị trí xếp hạng của ngành đào tạo trên bảng xếp hạng quốc tế. Khi vị thế chương trình đào tạo tăng lên, vị trí xếp hạng của nhà trường sẽ xuất hiện trên các bảng xếp hạng thế giới. Khi tiêu chí công bố quốc tế và nguồn thu từ nghiên cứu khoa học được đưa vào để xét xếp hạng đại học đẳng cấp quốc tế, việc tăng cường nghiên cứu khoa học, và thương mại hóa sản phẩm, là điều mà chính phủ Việt Nam cần quan tâm, hỗ trợ hơn nữa với các cơ sở giáo dục đại học. Kinh nghiệm của Trung Quốc về đầu tư, phân chia giá trị tài sản sau khi thương mại hóa thành công cũng là bài học quý cho Việt Nam trong thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển mối quan hệ ‘Đại học – Doanh nghiệp và Chính phủ’.

Hai là, chính sách đối với tự chủ đại học

Quan điểm về tự chủ tài chính cơ sở giáo dục đại học giữa Việt Nam và các quốc gia không sử dụng tiếng anh là ngôn ngữ chính, bao gồm cả Trung Quốc có nhiều điểm khác biệt. Nếu như học phí là nguồn tiền duy nhất mà các cơ sở giáo dục đại học tham dự đề án thí điểm theo *Nghị Quyết 77/NQ-CP* thu được từ người học ở Việt Nam, thì học phí chỉ là một phần trong tổng số tiền mà cơ sở giáo dục đại học nhận được ở Trung Quốc, phần còn lại do chính phủ cấp bù đối với mỗi đầu sinh viên. Ở Việt Nam các cơ sở giáo dục đại học nếu không được tham gia vào các dự án của Nhà nước liên quan đến giáo dục đại học thì ngân sách nhà nước giành cho nhà trường sẽ chấm dứt đối với các trường được trao thí điểm tự chủ. Trong khi đó, tại Trung Quốc, việc cấp ngân sách nhà nước đối với nhà trường được duy trì nếu cơ sở giáo dục đại học đại chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đại học của HEEC. Những khác biệt trong cách hiểu tự chủ tài chính của Việt Nam cần được nhìn nhận theo chuẩn tự chủ tài chính các cơ sở giáo dục công lập của Trung Quốc và quốc tế. Sinh viên theo học ở các trường công lập của Việt Nam không nên phải trang trải toàn bộ chi phí đào tạo; Chính phủ nên duy trì kinh phí đầu tư hỗ trợ sinh viên theo học ở các cơ sở giáo dục đại học công lập để tạo ra những con người có trình độ và đáp ứng được yêu cầu nhân lực của kỳ nguyên trí tuệ nhân tạo, đồng thời góp phần thực hiện sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng của Đảng và Chính phủ.

Trên kinh nghiệm trong thu hút nhân tài hồi hương của Trung Quốc, chính phủ Việt Nam nên cân nhắc và có chính sách thỏa đáng, theo hướng: (i) đối với nhóm Việt kiều, chính sách nên hướng đến đẩy mạnh sự phối hợp trong giảng dạy và nghiên cứu tại của những Việt kiều với các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam. Đây là con đường tối ưu nhằm tận dụng trí tuệ của nhóm đối tượng này thúc đẩy đáng tải nghiên cứu trên các tạp chí hàng đầu; là con đường nhanh nhất nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ các nhà khoa học trong nước. (ii) Đối với nhóm đi tu học, Chính phủ Việt Nam nên nhìn nhận đây là nhóm đóng vai trò xương sống, nhóm có những đóng góp tích cực cho việc nâng tầm hệ thống giáo dục đại học của quốc gia. Chính vì vậy cần ban hành các biện pháp giữ chân nhóm đối tượng này trước sự mời gọi hấp dẫn về môi trường làm việc của nước ngoài.

Về Hội đồng trường, quy trình thành lập và công nhận Hội đồng trường; công

nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch Hội đồng trường, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên khác của Hội đồng trường; công nhận hiệu trưởng của trường đại học công lập đặt vai trò của cơ quan chủ quản lên vị trí quyền lực cao nhất và làm vô hiệu hóa vai trò của Hội đồng trường. Điều đó trái với tinh thần của các nghị quyết 14/2005 và 89/2016 của Chính phủ và *Nghị quyết 19/NQ-TW* năm 2017 của Đảng. Do mô hình quản trị đại học của Trung Quốc và Việt Nam có sự khác biệt, việc tham khảo mô hình tương đồng ở một số quốc gia phương Tây là sự lựa chọn hợp lý. Cơ quan chủ quản chỉ nên cử đại diện tham gia vào Hội đồng trường chứ không được trực tiếp can thiệp lên việc ra quyết nghị Hội đồng trường và đây cũng chính là phương thức mà chính phủ một số nước phương Tây đang thực hiện theo mô hình song bộ máy quản trị cơ sở giáo dục đại học.

Ba là, quản lý nhà nước đối với đảm bảo chất lượng giáo dục đại học

Việc quản lý của HEEC với thông tin báo cáo từ các cơ sở giáo dục đại học cũng như từ các đoàn đánh giá ngoài là kinh nghiệm mà Việt Nam nên tham khảo, học hỏi khi mà việc quản lý và chia sẻ hệ thống dữ liệu đang gây khó khăn cho Cục Quản lý chất lượng ở Việt Nam. Đồng thời, trong giai đoạn tới, hệ thống tiêu chí và các hướng dẫn đánh giá ngoài đối với chương trình đào tạo, đối với đánh giá trường được ban hành bởi Cục quản lý chất lượng cũng nên được hoàn thiện để không gây ra những cách hiểu khác nhau giữa các bên tham gia vào quá trình này.

Bốn là, chính sách, quy định của nhà nước đối với hỗ trợ sinh viên

Cuối cùng, đối với hỗ trợ sinh viên, bên cạnh Chương trình Tín dụng sinh viên theo dạng chính sách hiện hành, Chính phủ Việt Nam cần nhắc triển khai bổ sung chương trình tín dụng thương mại trong tương lai để tạo điều kiện và nâng cao trách nhiệm của sinh viên trong quá trình theo học đại học. Đây là cách mà Chính phủ Trung Quốc đã và đang thực hiện và kết quả đem lại là tương đối tích cực đối với người học.